



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chuyên sản xuất bao PP dệt, túi siêu thị, vải địa kỹ thuật

- Văn Phòng: 414 Lầu 5 - Lũy Bán Bích - P. Hòa Thạnh - Q. Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.8) 3.9737277 - 3.9737278 - 3.9737276 * Fax: (84.8) 3.9737279
- Nhà Máy: C11 - C15 Cụm CN nhựa Đức Hòa Hạ - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
ĐT: (84) 072.3779328 * Fax: (84) 072.3779255
Email: tdhplastic@gmail.com - Website: www.tandaihungplastic.com



Số: 07/2023/CV-TDH

TP.HCM, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng
Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
Điện thoại : (84.28) 39737277 Fax: (84.28) 39737279
Mã chứng khoán : TPC
Sàn niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)
Người thực hiện công bố thông tin: **Tôn Thị Hồng Minh** – P.Chủ tịch HĐQT kiêm P. Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố: 24h 72h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2022 riêng (đã kiểm toán)
- Báo cáo tài chính năm 2022 hợp nhất (đã kiểm toán)
- Nghị quyết HĐQT số 03.2023
- Giải trình chênh lệch KQKD BCTC riêng năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/3/2023 tại đường dẫn: <http://tandaihungplastic.com/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, TCKT./

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
P. CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG

T. C. P. H. T. M. S. D. N. 0361.020.020
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

Tôn Thị Hồng Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

MỤC LỤC

| | Trang |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 12- 32 |
| 8. Phụ lục | 33 - 35 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 39 737 277 - 39 737 278
- Fax : (84 – 28) 39 737 279 - 39 737 276

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b);
- Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET ; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nông lâm nghiệp;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy: đập và đê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Phạm Trung Cang | Phó Chủ tịch thường trực | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Phạm Văn Mẹo | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Trần Hữu Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Danh Thúy Oanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Huỳnh Minh Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Lê Thị Minh Trí | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Đào Thanh Tuyền | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2023 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Ông Phạm Văn Mẹo | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016 |



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Mẹo – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020).

Ông Phạm Văn Mẹo đã ủy quyền cho Bà Tôn Thị Hồng Minh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 01/2020/UQ-TDH ngày 23 tháng 6 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chạy mặt Ban Tổng Giám đốc,



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0510/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Lý Quốc Trung - TP. Hồ Chí Minh
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2023-008-1
Người được ủy quyền


Đỗ Thị Mai Loan
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 445.419.478.665 | 536.289.534.743 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 11.653.619.367 | 30.978.993.605 |
| 1. Tiền | 111 | | 11.653.619.367 | 27.978.993.605 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 3.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 101.186.250.548 | 134.186.250.548 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 101.186.250.548 | 134.186.250.548 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 74.553.259.026 | 105.076.319.422 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 69.709.719.036 | 87.973.994.143 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 311.146.052 | 4.373.570.855 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 4.532.393.938 | 14.023.022.564 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | - | (1.294.268.140) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 245.555.362.367 | 260.194.875.672 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 245.555.362.367 | 260.194.875.672 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12.470.987.357 | 5.853.095.496 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 347.468.162 | 1.519.081.731 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 12.108.761.775 | 4.334.013.765 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 14.757.420 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 196.142.931.569 | 212.811.500.349 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 175.025.848.173 | 189.755.111.953 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 144.707.848.173 | 158.477.111.953 |
| - Nguyên giá | 222 | | 287.446.420.050 | 295.328.367.670 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (142.738.571.877) | (136.851.255.717) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 30.318.000.000 | 31.278.000.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 33.364.800.000 | 33.364.800.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (3.046.800.000) | (2.086.800.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 17.000.347.397 | 17.000.347.397 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 347.397 | 347.397 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.116.735.999 | 6.056.040.999 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 4.116.735.999 | 6.056.040.999 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 641.562.410.234 | 749.101.035.092 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 305.627.839.531 | 412.363.927.884 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 305.627.839.531 | 412.363.927.884 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 39.053.486.893 | 127.323.740.397 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 3.807.832.533 | 4.410.340.755 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 8.284.215.193 | 4.231.080.046 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 11.792.220.147 | 13.179.925.936 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 961.469.456 | 728.710.258 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 3.809.974.705 | 3.654.177.972 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | 237.918.640.604 | 258.835.952.520 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 335.934.570.703 | 336.737.107.208 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 335.934.570.703 | 336.737.107.208 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.18 | 244.305.960.000 | 244.305.960.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 244.305.960.000 | 244.305.960.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.18 | 82.683.222.451 | 82.683.222.451 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.18 | (24.593.180.860) | (24.593.180.860) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.18 | 33.538.569.112 | 34.341.105.617 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 18.579.236.417 | 34.341.105.617 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 14.959.332.695 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 641.562.410.234 | 749.101.035.092 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023



Hồ Nhật Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.033.094.121.863 | 895.836.126.639 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.033.094.121.863 | 895.836.126.639 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 932.795.222.039 | 816.380.387.012 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 100.298.899.824 | 79.455.739.627 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 13.866.401.220 | 17.304.383.494 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 24.072.676.648 | 10.092.910.045 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 8.133.328.791 | 6.130.059.981 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 46.236.445.144 | 41.993.659.050 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 25.110.394.180 | 26.200.197.629 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 18.745.785.072 | 18.473.356.397 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 354.626.701 | 782.422.143 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 107.207.835 | 33.032.243 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 247.418.866 | 749.389.900 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 18.993.203.938 | 19.222.746.297 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 4.033.871.243 | 4.021.696.786 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>14.959.332.695</u> | <u>15.201.049.511</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 14.959.332.695 | 15.201.049.511 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>664</u> | <u>675</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | <u>664</u> | <u>675</u> |



Hồ Nhật Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 18.993.203.938 | 19.222.746.297 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9,V.10 | 19.702.474.588 | 20.112.944.210 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | (1.294.268.140) | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.3,VI.4 | (2.424.841.277) | (654.866.575) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (9.305.844.533) | (10.025.597.174) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 8.133.328.791 | 6.130.059.981 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 33.804.053.367 | 34.785.286.739 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 22.761.871.502 | (73.745.252.641) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 14.639.513.305 | (80.566.771.775) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (85.729.645.945) | 144.875.111.918 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 3.110.918.569 | 3.533.868.828 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.15,VI.4 | (8.056.428.791) | (6.127.059.981) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (4.271.746.243) | (5.823.051.033) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (23.741.464.236) | 16.932.132.055 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9,V.10 | (5.606.748.220) | (10.818.126.136) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, VI.7 | 854.200.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2a | (39.000.000.000) | (70.186.250.548) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2a | 72.000.000.000 | 68.200.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5,VI.3 | 9.994.323.038 | 9.916.200.458 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 38.241.774.818 | (2.888.176.226) |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17 | 585.111.509.807 | 552.101.661.210 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (603.361.467.485) | (559.260.274.910) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.16,V.18 | (15.718.838.000) | (17.993.371.600) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (33.968.795.678) | (25.151.985.300) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (19.468.485.096) | (11.108.029.471) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 30.978.993.605 | 42.201.969.062 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 143.110.858 | (114.945.986) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 11.653.619.367 | 30.978.993.605 |

Hồ Nhật Minh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

00449
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN V
A &
VH - T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b); Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TĐH có trụ sở chính tại C11 - C15, Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của Năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 566 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 691 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới

Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới bao gồm các chi phí phát sinh cho việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 34 |
| Máy móc và thiết bị | 02 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (34 năm 03 tháng).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 841.994.540 | 5.327.562.692 |
| Tiền gửi ngân hàng | 10.811.624.827 | 22.651.430.913 |
| Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | - | 3.000.000.000 |
| Cộng | <u>11.653.619.367</u> | <u>30.978.993.605</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 101.186.250.548 | 101.186.250.548 | 134.186.250.548 | 134.186.250.548 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 101.186.250.548 | 101.186.250.548 | 134.186.250.548 | 134.186.250.548 |
| Dài hạn | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| Trái phiếu | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| Cộng | 118.186.250.548 | 118.186.250.548 | 151.186.250.548 | 151.186.250.548 |

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 01 năm trị giá 81.186.250.548 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số V.17).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------------|----------------|----------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Ngân hàng TMCP Á Châu | 198.949 | - | 198.949 | - |
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | 148.448 | - | 148.448 | - |
| Cộng | 347.397 | - | 347.397 | - |

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Kiobe Phils. Opc | 6.170.161.465 | - | 8.784.922.255 | - |
| Sphere Distribution | 8.705.767.357 | - | 7.932.265.260 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 54.833.790.214 | - | 71.256.806.629 | - |
| Cộng | 69.709.719.036 | - | 87.973.994.143 | - |

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|--------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần ĐPH | - | - | 3.700.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 311.146.052 | - | 673.570.855 | - |
| Cộng | 311.146.052 | - | 4.373.570.855 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu liên quan đến quyền sử dụng đất dự án đất Tân Đô | - | - | 4.518.845.457 | - |
| Tiền lãi có kỳ hạn dự thu | 3.249.534.253 | - | 4.158.675.346 | - |
| Tạm ứng | 962.000.000 | - | 4.078.418.355 | - |
| Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn | 136.000.000 | - | 899.330.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 184.859.685 | - | 367.753.406 | - |
| Cộng | 4.532.393.938 | - | 14.023.022.564 | - |

6. Nợ xấu

Tập đoàn đã thu hồi khoản nợ xấu là khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thành Phú về tiền bán hàng với số tiền 1.294.268.140 VND đã quá hạn trên 03 năm.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|-----------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.294.268.140 | 1.294.268.140 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (1.294.268.140) | - |
| Số cuối năm | - | 1.294.268.140 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | - | - | 10.296.914.731 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 66.839.902.724 | - | 68.620.974.526 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 164.859.788.333 | - | 162.835.446.491 | - |
| Thành phẩm | 13.685.514.337 | - | 18.271.382.951 | - |
| Hàng hóa | 170.156.973 | - | 170.156.973 | - |
| Cộng | 245.555.362.367 | - | 260.194.875.672 | - |

Hàng tồn kho trị giá 35.325.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | - | 878.081.731 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 347.468.162 | 641.000.000 |
| Cộng | 347.468.162 | 1.519.081.731 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | - | 739.305.000 |
| Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới | 4.116.735.999 | 5.316.735.999 |
| Cộng | 4.116.735.999 | 6.056.040.999 |

15-C
 TY
 HỮU HẠ
 TƯ VẤN
 C
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 78.231.959.580 | 194.651.788.182 | 22.100.542.076 | 344.077.832 | 295.328.367.670 |
| Mua trong năm | - | 5.306.748.220 | 300.000.000 | - | 5.606.748.220 |
| Thanh lý trong năm | (168.924.000) | (11.235.515.802) | (2.084.256.038) | - | (13.488.695.840) |
| Số cuối năm | 78.063.035.580 | 188.723.020.600 | 20.316.286.038 | 344.077.832 | 287.446.420.050 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 4.451.155.680 | 59.040.246.559 | 6.721.596.072 | 344.077.832 | 70.557.076.143 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 8.892.079.680 | 113.512.112.824 | 14.102.985.381 | 344.077.832 | 136.851.255.717 |
| Khấu hao trong năm | 2.136.000.000 | 14.332.194.239 | 2.274.280.349 | - | 18.742.474.588 |
| Thanh lý trong năm | (168.924.000) | (11.221.005.142) | (1.465.229.286) | - | (12.855.158.428) |
| Số cuối năm | 10.859.155.680 | 116.623.301.921 | 14.912.036.444 | 344.077.832 | 142.738.571.877 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 69.339.879.900 | 81.139.675.358 | 7.997.556.695 | - | 158.477.111.953 |
| Số cuối năm | 67.203.879.900 | 72.099.718.679 | 5.404.249.594 | - | 144.707.848.173 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Nhà xưởng có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.203.879.900 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 33.200.000.000 | 164.800.000 | 33.364.800.000 |
| Số cuối năm | 33.200.000.000 | 164.800.000 | 33.364.800.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 164.800.000 | 164.800.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.922.000.000 | 164.800.000 | 2.086.800.000 |
| Khấu hao trong năm | 960.000.000 | - | 960.000.000 |
| Số cuối năm | 2.882.000.000 | 164.800.000 | 3.046.800.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 31.278.000.000 | - | 31.278.000.000 |
| Số cuối năm | 30.318.000.000 | - | 30.318.000.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 30.798.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Lotte Trading Co., Ltd | - | 25.061.644.800 |
| Samsung C&T Hongkong Limited | - | 16.172.342.080 |
| Intraco Trading Pte., Ltd | - | 13.296.686.000 |
| IRPC Public Company Limited | - | 13.012.619.400 |
| Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An | 6.276.600.000 | 6.078.665.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức | 3.973.671.789 | 3.542.229.814 |
| Công ty Cổ phần In DICA | 4.647.206.138 | 3.139.941.095 |
| Các nhà cung cấp khác | 24.156.008.966 | 47.019.612.208 |
| Cộng | <u>39.053.486.893</u> | <u>127.323.740.397</u> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Ly Eco Ltd. | 1.801.918.849 | 1.864.309.278 |
| Hummingbag Limited | - | 1.995.523.900 |
| Sas New Business Solution | 1.747.493.993 | - |
| Các khách hàng khác | 258.419.691 | 550.507.577 |
| Cộng | <u>3.807.832.533</u> | <u>4.410.340.755</u> |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 292.400.132 | - | 6.439.722.827 | (1.999.374.859) | 4.732.748.100 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 2.555.341.302 | (2.555.341.302) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 10.327.202 | (10.327.202) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.789.342.093 | - | 4.033.871.243 | (4.271.746.243) | 3.551.467.093 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 149.337.821 | - | 1.185.203.598 | (1.349.298.839) | - | 14.757.420 |
| Các loại thuế khác | - | - | 6.000.000 | (6.000.000) | - | - |
| Cộng | <u>4.231.080.046</u> | <u>-</u> | <u>14.230.466.172</u> | <u>(10.192.088.445)</u> | <u>8.284.215.193</u> | <u>14.757.420</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu 0%
- Hàng hóa tiêu thụ trong nước từ ngày 01/01/2022 đến 31/01/2022 10%
- Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 áp dụng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau 08% hoặc 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 18.993.203.938 | 19.222.746.297 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.176.152.277 | 885.737.630 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 20.169.356.215 | 20.108.483.927 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>4.033.871.243</u> | <u>4.021.696.786</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2022 còn phải trả.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 311.900.000 | 235.000.000 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 649.569.456 | 493.710.258 |
| Cộng | <u>961.469.456</u> | <u>728.710.258</u> |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn | 2.166.829.345 | 2.121.542.812 |
| Cổ tức phải trả | 1.440.021.360 | 1.396.990.160 |
| Trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô | 149.500.000 | 111.800.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 53.624.000 | 23.845.000 |
| Cộng | <u>3.809.974.705</u> | <u>3.654.177.972</u> |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾ | 28.879.092.850 | 36.076.686.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 80.633.662.854 | 57.012.189.400 |
| Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 10.597.500.000 | 34.170.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ^(iv) | 34.579.407.000 | 78.292.151.320 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ^(v) | 83.228.977.900 | 53.284.925.800 |
| Cộng | <u>237.918.640.604</u> | <u>258.835.952.520</u> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2a).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.7 và V.8).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.3 và V.6).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 258.835.952.520 | 266.846.839.100 |
| Số tiền vay phát sinh | 585.111.509.807 | 552.101.661.210 |
| Số tiền vay đã trả | (603.361.467.485) | (559.260.274.910) |
| Chênh lệch tỷ giá | (2.667.354.238) | (852.272.880) |
| Số cuối năm | <u>237.918.640.604</u> | <u>258.835.952.520</u> |

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 244.305.960.000 | 82.683.222.451 | (24.593.180.860) | 37.153.620.906 | 339.549.622.497 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 15.201.049.511 | 15.201.049.511 |
| Chia cổ tức năm trước | - | - | - | (18.013.564.800) | (18.013.564.800) |
| Số dư cuối năm trước | 244.305.960.000 | 82.683.222.451 | (24.593.180.860) | 34.341.105.617 | 336.737.107.208 |
| Số dư đầu năm nay | 244.305.960.000 | 82.683.222.451 | (24.593.180.860) | 34.341.105.617 | 336.737.107.208 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 14.959.332.695 | 14.959.332.695 |
| Chia cổ tức năm nay | - | - | - | (15.761.869.200) | (15.761.869.200) |
| Số dư cuối năm nay | 244.305.960.000 | 82.683.222.451 | (24.593.180.860) | 33.538.569.112 | 335.934.570.703 |

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| Bà Lê Thị Mỹ Hạnh | 33.825.900.000 | 33.825.900.000 |
| Ông Phạm Trung Cang | 32.232.200.000 | 32.232.200.000 |
| Các cổ đông khác | 159.111.460.000 | 159.111.460.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 19.136.400.000 | 19.136.400.000 |
| Cộng | 244.305.960.000 | 244.305.960.000 |

18c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 24.430.596 | 24.430.596 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.430.596 | 24.430.596 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 24.430.596 | 24.430.596 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (1.913.640) | (1.913.640) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (1.913.640) | (1.913.640) |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 22.516.956 | 22.516.956 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 22.516.956 | 22.516.956 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ.ĐHĐCĐ.2022 ngày 15 tháng 4 năm 2022 với số tiền là 15.761.869.200 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|-------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 205.972,42 | 549.996,82 |
| Euro (EUR) | 20,87 | 20,87 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu | 5.706.652.001 | 25.355.952.960 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.022.771.037.862 | 866.334.042.597 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4.616.432.000 | 4.146.131.082 |
| Cộng | <u>1.033.094.121.863</u> | <u>895.836.126.639</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán | 6.435.715.579 | 10.137.742.131 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 921.773.830.636 | 802.098.331.981 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 4.585.675.824 | 4.144.312.900 |
| Cộng | <u>932.795.222.039</u> | <u>816.380.387.012</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 9.085.181.945 | 10.025.597.174 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 17.043.726 | 17.104.534 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.218.530.860 | 5.970.219.682 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.545.644.689 | 1.291.462.104 |
| Cộng | <u>13.866.401.220</u> | <u>17.304.383.494</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 8.133.328.791 | 6.130.059.981 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 15.818.544.445 | 3.326.254.535 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 120.803.412 | 636.595.529 |
| Cộng | <u>24.072.676.648</u> | <u>10.092.910.045</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 350.780.604 | 371.988.180 |
| Chi phí vận chuyển | 41.801.661.013 | 36.977.570.864 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 738.986.490 | 703.099.750 |
| Các chi phí khác | 3.345.017.037 | 3.941.000.256 |
| Cộng | <u>46.236.445.144</u> | <u>41.993.659.050</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 18.086.968.309 | 18.616.877.512 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 612.602.199 | 1.684.855.722 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.531.147.020 | 1.016.580.577 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 994.981.829 | 963.851.032 |
| Các chi phí khác | 3.884.694.823 | 3.918.032.786 |
| Cộng | <u>25.110.394.180</u> | <u>26.200.197.629</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 220.662.588 | - |
| Các khoản thu nhập khác | 133.964.113 | 782.422.143 |
| Cộng | <u>354.626.701</u> | <u>782.422.143</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 6.472.493 | 31.029.659 |
| Các khoản chi phí khác | 100.735.342 | 2.002.584 |
| Cộng | <u>107.207.835</u> | <u>33.032.243</u> |

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 14.959.332.695 | 15.201.049.511 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 14.959.332.695 | 15.201.049.511 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 22.516.956 | 22.516.956 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>664</u> | <u>675</u> |

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 831.046.319.394 | 731.187.805.523 |
| Chi phí nhân công | 107.593.916.904 | 127.141.515.222 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 19.702.474.588 | 20.112.944.210 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 340.530.477.991 | 256.078.431.444 |
| Chi phí khác | 115.404.509.940 | 98.968.234.666 |
| Cộng | <u>1.414.277.698.817</u> | <u>1.233.488.931.065</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn phát sinh các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|----------------|------------------|
| Ông Phạm Trung Cang – Tạm ứng | - | 94.339.711 |
| Ông Phạm Trung Cang – Chia cổ tức | 2.256.254.000 | 2.578.576.000 |
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương – Chia cổ tức | 627.690.000 | 717.360.000 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh – Tạm ứng | - | 2.016.432 |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | | Đơn vị tính : VND | | |
|---------------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>Chức danh</u> | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
| Năm nay | | | | |
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương | Chủ tịch | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông Phạm Trung Cang | Phó Chủ tịch thường trực | 152.490.000 | 120.000.000 | 272.490.000 |
| Ông Phạm Văn Mẹo | Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | 346.108.000 | 120.000.000 | 466.108.000 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh | Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc | 342.914.000 | 120.000.000 | 462.914.000 |
| Ông Trần Hữu Vinh | Thành viên | 220.774.000 | 120.000.000 | 340.774.000 |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân | Thành viên | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông Huỳnh Minh Việt | Thành viên | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Bà Danh Thuý Oanh | Thành viên | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên kiêm Kế toán trưởng | 342.914.000 | 120.000.000 | 462.914.000 |
| Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng Ban kiểm soát | 287.910.000 | 120.000.000 | 407.910.000 |
| Bà Đào Thanh Tuyền | Thành viên Ban kiểm soát | 135.423.000 | 120.000.000 | 255.423.000 |
| Bà Lê Thị Minh Trí | Thành viên Ban kiểm soát | 113.122.000 | 120.000.000 | 233.122.000 |
| Cộng | | <u>1.941.655.000</u> | <u>1.440.000.000</u> | <u>3.381.655.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Chức danh</u> | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|---------------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Năm trước | | | | |
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương | Chủ tịch | 220.895.430 | 120.000.000 | 340.895.430 |
| Ông Phạm Trung Cang | Phó Chủ tịch thường trực | 33.000.000 | 120.000.000 | 153.000.000 |
| Ông Phạm Văn Mẹo | Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | 334.154.000 | 120.000.000 | 454.154.000 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh | Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng giám đốc | 334.154.000 | 120.000.000 | 454.154.000 |
| Ông Trần Hữu Vinh | Thành viên | 214.840.000 | 120.000.000 | 334.840.000 |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân | Thành viên | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông Huỳnh Minh Việt | Thành viên | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Bà Đoàn Thị Hồng Tươi | Thành viên | - | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Bà Danh Thúy Oanh | Thành viên | - | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên kiêm Kế toán trưởng | 334.154.000 | 120.000.000 | 454.154.000 |
| Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban kiểm soát | 272.001.000 | 120.000.000 | 392.001.000 |
| Bà Đào Thanh Tuyền | Thành viên Ban kiểm soát | 172.961.000 | 120.000.000 | 292.961.000 |
| Bà Lê Thị Minh Trí | Thành viên Ban kiểm soát | 98.250.000 | 120.000.000 | 218.250.000 |
| Cộng | | 2.014.409.430 | 1.440.000.000 | 3.454.409.430 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH Đại Hưng do người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH TĐH.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn chỉ có phát sinh giao dịch chia cổ tức với Công ty TNHH Đại Hưng với số tiền là 700.000.000 VND (năm trước là 800.000.000 VND)

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------|--------------------------|------------------------|
| Việt Nam | 371.451.593.841 | 413.035.209.401 |
| Các nước Châu Âu | 661.642.528.022 | 482.958.917.238 |
| Cộng | 1.033.094.121.863 | 895.994.126.639 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023



Hồ Nhật Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 5.706.652.001 | 1.022.771.037.862 | 4.616.432.000 | - | 1.033.094.121.863 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 45.528.848.181 | 266.705.033.947 | 3.096.000.000 | (315.329.882.128) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 51.235.500.182 | 3.096.000.000 | 7.712.432.000 | (315.329.882.128) | 1.033.094.121.863 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | (1.123.172.474) | 30.363.293.665 | (288.060.692) | - | 28.952.060.500 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 28.952.060.500 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 13.866.401.220 |
| Chi phí tài chính | | | | | (24.072.676.648) |
| Thu nhập khác | | | | | 354.626.701 |
| Chi phí khác | | | | | (107.207.835) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (4.033.871.243) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 14.959.332.695 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 5.606.748.220 | - | - | 5.606.748.220 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 120.082.434 | 21.521.697.154 | - | - | 21.641.779.588 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | <u>Lĩnh vực thương mại</u> | <u>Lĩnh vực sản xuất</u> | <u>Lĩnh vực khác</u> | <u>Các khoản loại trừ</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 25.355.952.960 | 866.334.042.597 | 4.146.131.082 | - | 895.836.126.639 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 141.511.465.909 | 194.425.038.973 | 3.096.000.000 | (339.032.504.882) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 166.867.418.869 | 1.060.759.081.570 | 7.242.131.082 | (339.032.504.882) | 895.836.126.639 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 13.288.036.134 | (1.712.354.862) | (313.798.325) | - | 11.261.882.948 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 11.261.882.948 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 17.304.383.494 |
| Chi phí tài chính | | | | | (10.092.910.045) |
| Thu nhập khác | | | | | 782.422.143 |
| Chi phí khác | | | | | (33.032.243) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (4.021.696.786) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 15.201.049.511 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 14.396.394.802 | - | - | 14.396.394.802 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 683.054.844 | 23.337.859.366 | - | - | 24.020.914.210 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|------------------------------------------|---------------------|-------------------|---------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 5.226.305.539 | 518.149.506.750 | - | - | 523.375.812.289 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 118.186.597.945 |
| Tổng tài sản | | | | | 641.562.410.234 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 3.053.953.937 | 302.573.885.594 | - | - | 305.627.839.531 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 305.627.839.531 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 19.474.938.256 | 563.775.476.327 | - | - | 583.250.414.583 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 165.850.620.509 |
| Tổng tài sản | | | | | 749.101.035.092 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 11.725.914.174 | 400.638.013.710 | - | - | 412.363.927.884 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 412.363.927.884 |



Hồ Nhật Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc